

Một số bất cập của pháp luật thuế thu nhập cá nhân: Kiến nghị hoàn thiện

Lê Hùng Vượng*

Nhận ngày 02 tháng 02 năm 2024. Chấp nhận đăng ngày 16 tháng 10 năm 2024.

Tóm tắt: Thuế thu nhập cá nhân (TNCN) là một trong những nguồn thu quan trọng của ngân sách Nhà nước. Đây là nghĩa vụ của mỗi công dân nhằm góp phần cho sự phát triển của đất nước. Hiện nay, quy định mức khấu trừ khoản thu nhập vắng lai vẫn còn thấp, doanh thu tính thuế của việc cho thuê tài sản thì không hợp lý, các bậc thuế lũy tiến từng phần còn bất cập, quy định mức giảm trừ gia cảnh đã thay đổi lần thứ ba vào năm 2020 nhưng mức giảm trừ tại thời điểm ban hành Nghị quyết 954 đã không theo kịp với những thay đổi đời sống người dân. Từ những lý do trên, bài viết đề cập đến những bất cập về quy định mức khấu trừ khoản thu nhập vắng lai, ngưỡng doanh thu tính thuế đối với cá nhân cho thuê tài sản hay mức giảm trừ gia cảnh, biểu thuế và bậc thuế lũy tiến từng phần để làm rõ những hạn chế, tồn tại đang xảy ra. Từ đó, đề xuất các kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định pháp luật thuế TNCN.

Từ khóa: Thuế thu nhập cá nhân, giảm trừ gia cảnh, bậc thuế.

Phân loại ngành: Luật học

Abstract: Personal income tax (PIT) is one of the critical sources of revenue for the State budget. This is the obligation of each citizen to contribute to the country's development. Currently, regulations on current income deductions are still low, taxable revenue from property rental is unreasonable, partial progressive tariff levels are still inadequate, and family allowance deductions was changed for the third time in 2020. Still, the deduction level at the time of issuance of the Resolution 954 did not keep up with changes in people's lives. For the above reasons, the article mentions inadequate regulations on current income deduction levels, tax revenue thresholds for individuals leasing property or family deductions, tax tables and partial progressive tariff levels to clarify the limitations and shortcomings. From there, the article proposes a number of recommendations to improve the personal income tax law regulations.

Keywords: Personal income tax, family allowances, tax rates.

Subject classification: Jurisprudence

1. Đặt vấn đề

Thuế là nguồn thu chính cho ngân sách nhà nước (NSNN) nói chung và thuế TNCN là một trong các loại thuế mang lại nguồn thu lớn cho NSNN. Đây là công cụ vô cùng cần thiết và hữu hiệu trong việc kiểm soát thu nhập của các tầng lớp dân cư, thực hiện công bằng xã hội và quản lý, điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Tuy nhiên, Luật Thuế TNCN đã nhiều năm không được thay đổi về quy định mức khấu trừ từng lần phát sinh đối với khoản thu nhập vắng lai hay ngưỡng doanh thu từ việc cá nhân cho thuê tài sản trong khi giá cả hàng hóa đắt đỏ, mức chi tiêu hằng ngày tăng lên. Ngoài ra, bất cập lớn nhất trong Luật Thuế TNCN là mức giảm trừ gia cảnh (GTGC), mặc dù có điều chỉnh mức này nhưng cũng không theo kịp với những thay đổi đời sống người dân trong thực tế hay các bậc thuế lũy tiến từng phần và mức thuế của biểu thuế lũy tiến hiện nay so với các nước có thu nhập tương đương thì Việt Nam

* Khoa Luật, Trường Đại học Bình Dương.
Email: lslehungvuong@gmail.com

thì chúng ta vẫn ở mức cao. Vì vậy, Luật Thuế TNCN cần được sửa đổi để phù hợp với sự biến động của kinh tế và thu nhập của người dân.

2. Thuế thu nhập cá nhân và một số khái niệm

Thuế TNCN là thuế trực thu điều tiết vào thu nhập chịu thuế của cá nhân trong kỳ tính thuế. Thuế TNCN được áp dụng từ rất lâu tại các nước phát triển. Theo nhiều ghi nhận cho thấy thuế TNCN xuất hiện lần đầu trên thế giới là tại nước Anh vào năm 1798 như một hình thức thu tạm thời và được áp dụng chính thức vào năm 1842. Nước Anh là nước công nghiệp phát triển sớm và cực thịnh. Vào thời điểm đó, nền kinh tế phát triển đã tạo nên nguồn thu nhập cá nhân ketch xù cho các nhà tư bản nên việc nhận thức về thuế TNCN cũng sớm được hình thành. Tiếp theo sau là các nước phát triển khác cho ra đời thuế TNCN như Nhật năm 1887, Mỹ năm 1913, Pháp năm 1914 (Nguyễn Thị Thủy, 2022: 301-302).

Ở Việt Nam, thuế TNCN lần đầu được Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành dưới hình thức là Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao vào ngày 27/12/1990, chính thức có hiệu lực vào ngày 01/04/1991. Kể từ đó đến nay, pháp lệnh đã nhiều lần sửa đổi, bổ sung, lần cuối cùng là năm 2004 và được thay thế bởi Luật Thuế TNCN năm 2007 có hiệu lực vào ngày 01/01/2009.

Như vậy, tên gọi trước đây là thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao được hiểu là một loại thuế đánh vào cá nhân có thu nhập và chỉ cá nhân nào có thu nhập cao hơn người khác mới phải nộp thuế, còn những cá nhân có thu nhập thấp hơn không phải nộp thuế. Hiện nay nhiều người vẫn gọi thuế thu nhập cá nhân là thuế thu nhập cao, dẫn đến hiểu sai bản chất của loại thuế này và đánh giá không đúng vai trò của nó. Bất kỳ một quốc gia nào có nền kinh tế vận động theo cơ chế thị trường đều coi thuế TNCN là một sắc thuế có tầm quan trọng lớn trong việc huy động nguồn thu cho ngân sách.

Thứ nhất, thuế TNCN là thuế trực thu, theo đó nhà nước sẽ trực tiếp thu một phần thu nhập của người nộp thuế và nộp vào ngân sách. Vì vậy, người nộp thuế không thể chuyển giao các khoản thuế của mình sang cho người khác.

Thứ hai, việc đánh thuế TNCN thường áp dụng theo 02 biểu thuế là toàn phần và lũy tiến từng phần, khi áp dụng biểu thuế lũy tiến từng phần có nghĩa là áp dụng các thuế suất tăng dần đối với các nhóm đối tượng chịu thuế hoặc toàn bộ đối tượng chịu thuế. Điều này nghĩa là thu nhập càng cao thì thuế suất sẽ càng cao.

Thứ ba, thuế TNCN là thuế tính trên thu nhập của người nộp thuế sau khi đã trừ các thu nhập miễn thuế và các khoản được giảm trừ theo quy định của pháp luật. Thuế TNCN còn là sắc thuế mà nhà nước sử dụng để điều tiết một phần thu nhập của các cá nhân với mục đích tạo nguồn thu cho NSNN để thực hiện công bằng xã hội.

Từ đó, có thể định nghĩa thuế TNCN là: “Khoản tiền mà cá nhân cư trú hoặc cá nhân không cư trú phải nộp vào ngân sách nhà nước khi phát sinh thu nhập chịu thuế theo quy định của pháp luật” (Nguyễn Thị Hương, 2015).

Về thu nhập vãng lai được hiểu là toàn bộ những khoản thu nhập tiền công, tiền lương mà không thông qua hợp đồng lao động, hoặc có hợp đồng lao động dưới 3 tháng, không mang tính chất thường xuyên. Thuế TNCN đối với khoản vãng lai là khi có tổng mức trả thu nhập từ 2 triệu đồng/lần trở lên thì phải khấu trừ thuế thu nhập cá nhân theo mức 10% trên thu nhập trước khi trả cho cá nhân. Ngoài ra, một số khái niệm như giảm trừ gia cảnh và cá nhân cho thuê tài sản cũng được quy định tại Luật và thông tư cụ thể như sau:

Giảm trừ gia cảnh là “số tiền được trừ vào thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế đối với thu nhập từ kinh doanh, tiền lương, tiền công của đối tượng nộp thuế là cá nhân cư trú” (điều 19, Luật Thuế TNCN 2007 sửa đổi, bổ sung năm 2012). Đối tượng nộp thuế TNCN hiện nay

là cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú. Đối với cá nhân cư trú được quy định là “có mặt tại Việt Nam từ 183 ngày trở lên tính trong một năm dương lịch hoặc tính theo 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam hoặc có nơi ở thường xuyên tại Việt Nam, bao gồm có nơi ở đăng ký thường trú hoặc có nhà thuê để ở tại Việt Nam theo hợp đồng thuê có thời hạn”. Đối với cá nhân không cư trú là trường hợp không đủ điều kiện để đáp ứng quy định trên (Điều 2, Luật thuế TNCN 2007 sửa đổi, bổ sung năm 2012).

Cá nhân cho thuê tài sản được quy định tại điểm a, Điều 9, Thông tư số 40/2021/TT-BTC ngày 01/6/2021 “cá nhân cho thuê tài sản là cá nhân có phát sinh doanh thu từ cho thuê tài sản bao gồm: cho thuê nhà, mặt bằng, cửa hàng, nhà xưởng, kho bãi không bao gồm dịch vụ lưu trú; cho thuê phương tiện vận tải, máy móc thiết bị không kèm theo người điều khiển; cho thuê tài sản khác không kèm theo dịch vụ. Dịch vụ lưu trú không tính vào hoạt động cho thuê tài sản theo hướng dẫn tại khoản này gồm: cung cấp cơ sở lưu trú ngắn hạn cho khách du lịch, khách vắng lai khác; cung cấp cơ sở lưu trú dài hạn không phải là căn hộ cho sinh viên, công nhân và những đối tượng tương tự; cung cấp cơ sở lưu trú cùng dịch vụ ăn uống hoặc các phương tiện giải trí”.

Các khoản thu nhập chịu thuế TNCN bao gồm: “Thu nhập từ kinh doanh, thu nhập từ tiền lương, tiền công, thu nhập từ đầu tư vốn, thu nhập từ chuyển nhượng vốn, thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, thu nhập từ trúng thưởng, thu nhập từ bản quyền, thu nhập từ nhận thừa kế, thu nhập từ nhận quà tặng” (Điều 3, Luật Thuế TNCN 2007 sửa đổi, bổ sung năm 2012).

Ngoài ra, để căn cứ số thuế phải nộp thì luật TNCN quy định Biểu thuế lũy tiến từng phần để tính thuế cho người có nơi cư trú và phương pháp tính thuế thu nhập cá nhân theo Biểu thuế lũy tiến từng phần là người có thu nhập tính thuế sẽ phải nộp thuế theo mức thu nhập từng cá nhân tương ứng, thu nhập thấp sẽ phải nộp số thuế thấp, mức thuế phải nộp được tăng dần đều theo từng bậc thuế. Biểu thuế lũy tiến từng phần được áp dụng cho cá nhân có thu nhập chịu thuế từ 5% đến 35% tương đương với 7 bậc thuế (khoản 2, Điều 22, Luật Thuế TNCN 2007 sửa đổi, bổ sung năm 2012).

3. Một số bất cập về quy định của Luật Thuế thu nhập cá nhân

Luật Thuế TNCN được Quốc hội khóa 12 thông qua số 04/2007/QH12 ngày 21/11/2007, luật có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2009. Tuy nhiên, sau một thời gian thực hiện đã xuất hiện bất cập nên Quốc hội khóa 13 đã sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TNCN 2007, ban hành Luật số 26/2012/QH13, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2013. Đến ngày 02/6/2020 Ủy ban thường vụ Quốc hội đã ban hành nghị quyết đề điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật Thuế TNCN số 04/2007/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 26/2012/QH13.

3.1. Quy định mức khấu trừ thuế với các khoản thu nhập vắng lai

Căn cứ điểm i, khoản 1, Điều 25, Thông tư 111/2013/TT-BTC quy định: “Các tổ chức, cá nhân trả tiền công, tiền thù lao, tiền chi khác cho cá nhân cư trú không ký hợp đồng lao động (theo hướng dẫn tại điểm c, d, khoản 2, Điều 2 Thông tư này) hoặc ký hợp đồng lao động dưới ba (03) tháng có tổng mức trả thu nhập từ hai triệu (2.000.000) đồng/lần trở lên thì phải khấu trừ thuế theo mức 10% trên thu nhập trước khi trả cho cá nhân”. Theo quy định như trên, hiện nay các khoản thu nhập vắng lai từ 2 triệu đồng đã bị tạm khấu trừ thuế thu nhập cá nhân 10%. Do đó, thời gian vừa qua, hồ sơ quyết toán thuế liên tục tăng theo chiều tăng đứng vì quy định bất hợp lý về mức khấu trừ thuế với các khoản thu nhập vắng lai. Với mức 2 triệu đồng này được áp dụng 14 năm qua từ khi áp dụng Luật Thuế TNCN nhưng

đến nay vẫn không được điều chỉnh. Từ đó dẫn đến người lao động dù TNCN chưa đến mức nộp thuế nhưng vẫn bị khấu trừ, bị giam tiền trong suốt một năm và cuối năm phải vất vả làm hồ sơ quyết toán thuế do những đối tượng này thường không đến mức phải nộp.

3.2. Quy định về mức doanh thu tính thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cho thuê tài sản

Để quản lý thuế TNCN của hộ cá nhân và cá nhân kinh doanh, ngày 01/06/2021 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 40/2021/TT-BTC “Thông tư 40” trong đó quy định mức thu nhập tính thuế TNCN đối với cá nhân cho thuê tài sản và tiếp sau đó đã ban hành thông tư 100/2021/TT-BTC “Thông tư 100” để sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 40. Tuy nhiên, tại thông tư mới ban hành thì vẫn chưa đáp ứng mong đợi của người dân về khoản doanh thu để tính thuế TNCN quy định như sau: “Cá nhân chỉ có hoạt động cho thuê tài sản và thời gian cho thuê không trọn năm, nếu phát sinh doanh thu cho thuê từ 100 triệu đồng/năm trở xuống thì thuộc đối tượng không phải nộp thuế GTGT, TNCN”. Như vậy, đối với khoản doanh thu từ 100 triệu đồng/năm là phải nộp thuế, trong đó thuế GTGT là 5% và thuế TNCN là 5%. Quy định mức 100 triệu đồng/năm từ cách đây 10 năm, do đó đến nay đã quá lạc hậu. Bởi khi đó, mức giảm giá cạnh của người nộp thuế TNCN đã trên 108 triệu đồng/năm mới phải chịu thuế, đó là chưa kể tính thêm 1 người phụ thuộc có thể lên 150 triệu đồng/năm. Còn hiện nay sau khi điều chỉnh tăng mức giảm trừ gia cảnh cho người nộp thuế cũng lên 132 triệu đồng/năm, chưa kể tính thêm người phụ thuộc thì ngưỡng doanh thu để tính thuế cho thuê nhà quy định như hiện nay là không hợp lý.

3.3. Quy định về mức giảm trừ bản thân và người phụ thuộc

Về quy định giảm trừ gia cảnh của Luật Thuế TNCN 2007 thì mức giảm trừ đối với đối tượng nộp thuế là 4 triệu đồng/tháng (48 triệu đồng/năm); mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là 1,6 triệu đồng/tháng. Đến năm 2012 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TNCN 2007 quy định mức giảm trừ đối với đối tượng nộp thuế là 9 triệu đồng/tháng (108 triệu đồng/năm); mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là 3,6 triệu đồng/tháng.

Hiện nay, thực hiện theo Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội năm 2020 về điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế TNCN (áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2020). Theo đó, mức giảm trừ đối với đối tượng nộp thuế là 11 triệu đồng/tháng (132 triệu đồng/năm), mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là 4,4 triệu đồng/tháng (Điều 1, Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH14). Như vậy, đã qua 03 lần thay đổi nhưng đối với người nộp thuế ở một số thành phố lớn như: Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hà Nội, Tp. Đà Nẵng, Tp. Cần Thơ... vẫn cảm thấy không công bằng khi giá cả hàng hóa cũng như chi phí ăn học ở các thành phố lớn này thường cao hơn nhiều khu vực nông thôn hay vùng núi. Do đó, cần quy định mức giảm trừ gia cảnh theo mức lương tối thiểu vùng, mức giảm trừ gia cảnh ở các đô thị, thành phố lớn cần phải cao hơn ở khu vực nông thôn, miền núi do chi phí đắt đỏ hơn, mặt khác cũng điều chỉnh được khoản thu nhập còn lại đối với cá nhân có cùng khoản thu nhập ở các khu vực khác nhau. Quy định mức giảm trừ như hiện nay không phù hợp, khi mức giảm trừ được cào bằng chung cho các khu vực trong cả nước và mức giảm trừ theo quy định hiện nay thì rất khó được thay đổi vì Luật Thuế TNCN đã quy định trường hợp chỉ số giá tiêu dùng (CPI) biến động trên 20% so với thời điểm Luật có hiệu lực thi hành hoặc thời điểm điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh gần nhất thì Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh quy định tại khoản này phù hợp với biến động của giá cả để áp dụng cho kỳ tính thuế tiếp theo. Tuy nhiên, theo số liệu của Tổng cục Thống kê, chỉ số CPI tại thời điểm cuối tháng 12/2019 so với thời điểm 01/7/2013 là 123,2%, tăng 23,2% thì mức giảm trừ vẫn không thay đổi, mãi đến đầu tháng 06/2020 thì Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh

mức giảm trừ gia cảnh mới. Tuy nhiên, tại thời điểm ban hành, nhiều chuyên gia và người nộp thuế đều cho rằng mức giảm trừ gia cảnh (GTGC) chưa áp dụng đã lỗi thời.

Ngoài ra, quy định điều chỉnh GTGC chỉ được thực hiện khi biến động chỉ số giá tiêu dùng (CPI) lũy kế qua các năm trên 20% là không phù hợp khi chỉ tiêu của người dân và lạm phát tăng lên hàng năm. Trong khi mức chi tiêu mỗi người dân gấp khoảng 4 lần so với thời điểm 2007 thì mức giảm trừ gia cảnh chưa bằng 3 lần. Còn nếu so với tốc độ tăng lương tối thiểu, mức điều chỉnh gia cảnh cũng trở nên lỗi thời. Đơn cử, lương tối thiểu vùng 1 tới nay đã bằng ít nhất 5,5 lần, mức GTGC chỉ bằng 2,8 lần.

Việc không điều chỉnh kịp thời mức GTGC cho bản thân và người phụ thuộc làm cho người nộp thuế ngày càng khó khăn nhưng số thu ngân sách nhà nước hằng năm luôn tăng đều theo thống kê của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

Năm	Thuế TNCN (tỉ đồng)	Tỉ lệ thuế TNCN/ tổng thu ngân sách (%)
2011	38.458	5,33
2012	44.959	6,12
2013	46.458	5,61
2014	47.844	5,45
2015	56.723	5,68
2016	65.235	5,89
2017	78.775	6,09
2018	94.364	6,59
2019	109.406	7,04
2020	115.150	7,62
2021	127.655	8,14
2022	166.733	9,2

Nguồn: Bộ Tài chính.

Qua số liệu trên cho thấy, năm 2022 so với 2021 thì nguồn thu tăng đột biến. Đến năm 2022 thì nguồn thu từ thuế TNCN đạt gần 10% trên tổng nguồn thu ngân sách còn tỷ lệ thuế TNCN gần gấp đôi nguồn thu ngân sách của cách đây 10 năm.

3.4. Quy định bậc thuế và mức thuế lũy tiến từng phần

Việc quy định hiện nay không chỉ mức giảm trừ gia cảnh cho bản thân và người phụ thuộc bị lạc hậu mà các bậc thuế của Luật thuế TNCN cũng không còn phù hợp với mức quy định như sau:

Bậc thuế	Phần thu nhập tính thuế/năm (triệu đồng)	Phần thu nhập tính thuế/tháng (triệu đồng)	Thuế suất (%)
1	Đến 60	Đến 5	5
2	Trên 60 đến 120	Trên 5 đến 10	10
3	Trên 120 đến 216	Trên 10 đến 18	15
4	Trên 216 đến 384	Trên 18 đến 32	20
5	Trên 384 đến 624	Trên 32 đến 52	25
6	Trên 624 đến 960	Trên 52 đến 80	30
7	Trên 960	Trên 80	35

Nguồn: Luật Thuế thu nhập cá nhân

Theo biểu thuế lũy tiến từng phần hiện hành là chưa hợp lý, quá nhiều bậc, giãn cách giữa các bậc quá hẹp dễ dẫn đến dễ nhảy bậc thuế khi tổng hợp thu nhập vào cuối năm làm tăng

số thuế phải nộp, số lượng phải quyết toán thuế tăng một cách không cần thiết trong khi số thuế phải nộp thêm không nhiều. Việc quy định biểu thuế lũy tiến từng phần hiện hành chưa thực sự hợp lý, dẫn đến nhiều bất cập. Ngoài ra, mức thuế suất cao nhất 35% hiện nay là khá cao, làm giảm tính cạnh tranh nội bộ quốc gia và quốc tế trong thu hút các nhà quản lý, nhà khoa học, nhân lực, lao động có tay nghề cao làm việc. Cần thiết phải sửa đổi biểu thuế TNCN để đảm bảo phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội, thu nhập và mức sống của người dân và với thông lệ quốc tế, đặc biệt là với các nước có điều kiện tương đồng và quan hệ đầu tư, thương mại chặt chẽ với Việt Nam, vừa đảm bảo quyền lợi của người nộp thuế. Việc thu hẹp số lượng bậc thuế cũng sẽ góp phần đơn giản hóa công tác quản lý, thu thuế, tạo thuận lợi cho việc kê khai, tính thuế và phù hợp với xu hướng cải cách thuế thu nhập cá nhân trên thế giới.

4. Một số kiến nghị hoàn thiện quy định của Luật Thuế thu nhập cá nhân

Căn cứ phân tích như trên, để Luật Thuế TNCN phù hợp với kinh tế thị trường và cơ quan soạn thảo không phải mất thời gian để sửa luật hoặc ban hành nghị quyết riêng khi quốc hội chưa đến kỳ họp. Tác giả nhận thấy cần sửa một số điều luật để tiệm cận với các nước trong khu vực cũng như phù hợp với các vùng miền như ở đô thị lớn hay ở nông thôn, vùng núi của nước ta hiện nay.

Thứ nhất, căn cứ điểm i, khoản 1, Điều 25, Thông tư 111/2013/TT-BTC quy định, các cá nhân, tổ chức trả tiền công, tiền thù lao và tiền chi khác cho cá nhân cư trú không ký HĐLĐ hoặc ký HĐLĐ dưới 3 tháng có tổng mức trả thu nhập từ 2 triệu đồng/lần trở lên thì phải khấu trừ 10% thuế trên mức thu nhập trước khi trả cho cá nhân. Khi xác định mức 2 triệu đồng/lần trở lên thì phải khấu trừ 10% thuế dẫn đến tình trạng vào đầu năm sau, lượng hồ sơ hoàn thuế hằng năm tăng dần đều. Cơ quan thuế cũng rất mệt mỏi với số lượng hồ sơ quá nhiều, trong khi mức hoàn thuế thì rất thấp. Điển hình có hồ sơ hoàn thuế chưa đến 100 ngàn đồng nhưng phải mất đến 6 chữ ký. Từ đó, tác giả đề nghị cần điều chỉnh khoản điểm i, khoản 1, Điều 25, Thông tư 111/2013/TT-BTC quy định như sau: “Các cá nhân, tổ chức trả tiền công, tiền thù lao và tiền chi khác cho cá nhân cư trú không ký HĐLĐ hoặc ký HĐLĐ dưới 3 tháng có tổng mức trả thu nhập từ 5 triệu đồng/lần trở lên thì phải khấu trừ 10% thuế trên mức thu nhập trước khi trả cho cá nhân”.

Thứ hai, cá nhân cho thuê tài sản cũng như tất cả những chủ thể kinh doanh khác có doanh thu, có thu nhập đều phải đóng thuế là hợp lý. Thế nhưng sự lạc hậu của mức tính thuế 100 triệu đồng/năm, tức hơn 8,3 triệu đồng/tháng từ nhiều năm qua đã dẫn đến không nhận được sự đồng thuận của người nộp thuế, không phù hợp với thực tiễn cũng như tạo ra sự bất bình đẳng. Do đó, cần sửa đổi điểm c, khoản 1, Điều 9 Thông tư 100 như sau: “c) Cá nhân chỉ có hoạt động cho thuê tài sản và thời gian cho thuê không trọn năm, nếu phát sinh doanh thu cho thuê từ 150 triệu đồng/năm trở xuống thì thuộc diện không phải nộp thuế GTGT, không phải nộp thuế TNCN. Trường hợp bên thuê trả tiền thuê tài sản trước cho nhiều năm thì mức doanh thu để xác định cá nhân phải nộp thuế hay không phải nộp thuế là doanh thu trả tiền một lần được phân bổ theo năm dương lịch”.

Thứ ba, Luật thuế TNCN có mức GTGC không phản ánh đúng khả năng chi trả và mức sống cao hơn ở các đô thị lớn so với nông thôn. Điều này dẫn đến việc mức GTGC không công bằng, không phù hợp với chi phí đời sống cao trong các đô thị lớn. Ở các đô thị lớn, chi phí cho nhà ở, giáo dục, y tế, vận chuyển và các dịch vụ khác thường cao hơn nhiều so với nông thôn. Tuy nhiên, mức GTGC hiện tại không điều chỉnh theo sự khác biệt này, dẫn đến việc người lao động trong các đô thị lớn phải chịu mức thuế TNCN cao hơn so với khả năng chi trả thực tế. Do đó, để đảm bảo tính công bằng và sự linh hoạt, luật thuế TNCN

cần thiết lập các ngưỡng GTGC khác nhau dựa trên các vùng kinh tế như ở đô thị và nông thôn, vùng núi. Mức GTGC cần được điều chỉnh định kỳ để phản ánh sự thay đổi trong mức sống và chi phí từng khu vực.

Theo đó, hằng năm Chính phủ ban hành quy định về mức lương tối thiểu vùng để các doanh nghiệp căn cứ áp dụng. Do đó, chính sách GTGC bản thân và người phụ thuộc nên hướng đến quy định này để phù hợp với thực tiễn hằng năm và tác giả đề nghị sửa đổi khoản a, b Điều 19 của Luật thuế TNCN như sau:

Điều 19: Giảm trừ gia cảnh

a) Mức giảm trừ gia cảnh hằng tháng đối với người nộp thuế được tính bằng 04 lần mức lương tối thiểu vùng của tháng được Chính phủ quy định hằng năm. Căn cứ xác định khu vực là nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chi trả thu nhập.

b) Mức giảm trừ hằng tháng đối với mỗi người phụ thuộc được tính bằng 02 lần mức lương tối thiểu vùng của tháng được Chính phủ quy định hằng năm. Căn cứ xác định khu vực là nơi người phụ thuộc đang sinh sống.

Thứ tư, như đã phân tích ở trên theo Điều 22 về Biểu thuế lũy tiến từng phần của Luật thuế TNCN đang ở mức 7 bậc và thuế suất bậc 7 lên đến 35%, điều này cho thấy mức thuế suất rất cao. Một số nước Đông Nam Á có thu nhập trên đầu người (GDP) tương đương hoặc hơn Việt Nam như Indonesia thì mức thuế suất cao nhất chỉ là 30% (GDP Indonesia 4.287 USD/năm), Malaysia 28% (GDP Malaysia 11.378 USD/năm) trong khi thu nhập bình quân trên đầu người theo thống kê 2021 của Việt Nam là 3.759 USD/năm. Vì vậy, cần thiết giảm số lượng bậc thuế TNCN xuống còn 5 bậc là một giải pháp hợp lý để tiến gần hơn đến mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (20%) và tăng tính công bằng trong hệ thống thuế TNCN. Vì vậy, tác giả kiến nghị sửa đổi khoản 2, điều 22 của Luật thuế TNCN như sau:

Điều 22: Biểu thuế lũy tiến từng phần

Biểu thuế lũy tiến từng phần được quy định như sau:

Bậc thuế	Phần thu nhập tính thuế/năm (triệu đồng)	Phần thu nhập tính thuế/tháng (triệu đồng)	Thuế suất (%)
1	Đến 60	Đến 5	5
2	Trên 60 đến 120	Trên 5 đến 10	10
3	Trên 120 đến 240	Trên 10 đến 20	15
4	Trên 240 đến 480	Trên 20 đến 40	20
5	Trên 480	Trên 40	25

Nguồn: Luật Thuế thu nhập cá nhân.

5. Kết luận

Luật Thuế TNCN đã góp phần quan trọng trong việc điều tiết thu nhập của các tầng lớp dân cư, bảo đảm động viên một cách hợp lý thu nhập dân cư, khuyến khích minh bạch các nguồn thu nhập của cá nhân trong lao động, sản xuất, kinh doanh, làm giàu chính đáng.

Do đó, việc thực hiện chính sách thuế TNCN có tính đến các bước đi phù hợp tình hình kinh tế - xã hội và thông lệ quốc tế, đã động viên kịp thời các nguồn lực cho ngân sách nhà nước giải quyết tốt hơn các vấn đề của xã hội. Tuy nhiên, chính sách thuế TNCN đã phát sinh một số hạn chế, bất cập như quy định mức khấu trừ từng lần phát sinh đối với khoản thu nhập vãng lai hay ngưỡng doanh thu từ việc cá nhân cho thuê tài sản và mức GTGC cũng

như bậc thuế lũy tiến từng phần, mức thuế của biểu thuế lũy tiến cần được nghiên cứu sửa đổi để phù hợp với thực tiễn hiện nay, nhằm kịp thời tháo gỡ vướng mắc và tạo thuận lợi hơn nữa cho người nộp thuế, bảo đảm tính minh bạch và đồng bộ của hệ thống pháp luật.

Tài liệu tham khảo

- Ánh Hồng - Lê Thanh. (2020a). Cào bằng mức giảm trừ gia cảnh, người nộp thuế chịu thiệt. <https://tuoitre.vn/cao-bang-muc-giam-tru-gia-canh-nguoi-nop-thue-chiu-thiet-2020030209151003.htm>.
- Ánh Hồng - Lê Thanh. (2020b). Giảm trừ gia cảnh: Chưa áp dụng đã lỗi thời. <https://tuoitre.vn/giam-tru-gia-canh-chua-ap-dung-da-loi-thoi-20200229211715442.htm>.
- Ánh Hồng. (2020c). Hàng trăm ngàn chữ ký để hoàn thuế. <https://tuoitre.vn/hang-tram-ngan-chu-ky-de-hoan-thue-20200802085423721.htm>.
- Ánh Hồng. (2022). Tp. Hồ Chí Minh: Hồ sơ quyết toán thuế thu nhập cá nhân tăng đột biến, hoàn chỉ hơn 1,7 triệu đồng/hồ sơ. <https://tuoitre.vn/tp-hcm-ho-so-quyet-toan-thue-tncn-tang-dot-bien-hoan-chi-hon-1-7-trieu-dong-ho-so-20220724112128763.htm>.
- Bộ Tài chính. (2013). *Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 Hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật thu nhập cá nhân*.
- Bộ Tài chính. (2015). *Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh*.
- Bộ Tài chính. (2021). *Thông tư số 40/2021/TT-BTC ngày 01/6/2021 về việc hướng dẫn thuế giá trị gia tăng và thu nhập cá nhân đối với hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh và Thông tư 100/2021/TT-BTC ngày 15/11/2021 về việc sửa đổi bổ sung 40/2021/TT-BTC*.
- Cầm Tú. (2021). Thuế cho thuê nhà bộc lộ nhiều bất cập, gia tăng người trốn thuế. <https://vov.vn/kinh-te/thue-cho-thue-nha-boc-lo-nhieu-bat-cap-gia-tang-nguoi-tron-thue-862329.vov>.
- Chính phủ. (2013a). *Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân*.
- Chính phủ. (2013b). *Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân*.
- L.Thanh - A.Hồng - T.Chung. (2023). Đề xuất nâng mức giảm trừ, hạ bậc thuế thu nhập cá nhân. <https://tuoitre.vn/de-xuat-nang-muc-giam-tru-ha-bac-thue-thu-nhap-ca-nhan-20230131082157248.htm>.
- Nguyễn Thị Hương. (2015). Pháp luật quản lý thuế thu nhập cá nhân qua thực tiễn thi hành tại Chi cục thuế Quận Kiến An thành phố Hải Phòng [Luận văn thạc sĩ Luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội].
- Nguyễn Thị Thủy. (2022). *Giáo trình Luật thuế*. Nxb. Hồng Đức.
- Quốc hội. (2006). *Luật quản lý thuế 2006*.
- Quốc hội. (2007). *Luật Thuế thu nhập cá nhân 2007*.
- Quốc hội. (2012a). *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế 2012*.
- Quốc hội. (2012b). *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân 2012*.
- Quỳnh Trang - Tất Đạt. (2023). Sao phải chờ CPI tăng 20% mới điều chỉnh giảm trừ gia cảnh?. <https://vnexpress.net/sao-phai-cho-cpi-tang-20-moi-dieu-chinh-giam-tru-gia-canh-4566626.html>.
- Thanh Xuân. (2021). Bắt cập thuế cho thuê nhà. <https://vietnamfinance.vn/bat-cap-thue-cho-thue-nha-20180504224258915.htm>.
- Thu Thảo. (2023). Đề xuất giảm biểu thuế thu nhập cá nhân xuống 5 bậc. <https://laodong.vn/xa-hoi/de-xuat-giam-bieu-thue-thu-nhap-ca-nhan-xuong-5-bac-1143045.lđo>.
- Ủy ban thường vụ Quốc hội. (2020). *Nghị quyết 954/2020/UBTVQH14 về điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh ngày 02/06/2020*.